

Bản án số: **47/2024/DS-ST**
Ngày 15-4-2024
Về việc tranh chấp tiền hụi

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lua

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy

Ông Đào Quốc Kiểng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp tiền hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.**

* *Bị đơn:* Bà **Mai Hồng N**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Ông **Hà Văn H**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà **Trần Thị T** trình bày:*

Bà có mở một số dây hụi vợ chồng ông **Hà Văn H** và bà **Mai Hồng N** có tham gia chơi hụi của bà, sau đó hốt hụi và không đóng hụi chết cho bà. Cụ thể như sau, vào ngày 30 tháng 3 năm 2022 âm lịch bà có mở hai dây hụi:

- Dây số 1: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm có 26 chung, vợ chồng ông **H** bà **N** tham gia 02 chung. Ông **H**, bà **N** kêu thăm 290.000 đồng hốt chung hụi thứ nhất vào tháng 4/2022 âm lịch và kêu thăm 340.000 đồng hốt chung hụi thứ 2 vào tháng 5/2022 âm lịch cả hai lần hốt hụi, bà đã giao hụi xong, sau khi hốt hụi bà **N**, ông **H** có đóng hụi chết cho bà, từ tháng 7/2023 đến tháng 3/2024 âm lịch là mãn hụi, ông **H**, bà **N** phải đóng cho bà 09 lần hụi chết nhưng bà **N**, ông **H** không đóng hụi cho bà, như vậy nợ bà số tiền hụi như sau: 09 tháng x 1.000.000 đồng x 02 chung = 18.000.000 đồng.

- Dây số 02: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm có 26 chung, vợ chồng ông **H** bà **N** tham gia 01 chung. Ông **H**, bà **N** kêu thăm 320.000 đồng hốt hụi vào tháng

5/2022 âm lịch, bà đã giao hui xong, sau khi hốt hui bà **N**, ông **H** có đóng hui chết cho bà, từ tháng 7/2023 đến tháng 3/2024 âm lịch là mãn hui bà **N**, ông **H** phải đóng cho bà 09 lần hui chết nhưng bà **N**, ông **H** không đóng hui cho bà, như vậy nợ bà số tiền hui như sau: 09 tháng x 1.000.000 đồng x 01 chung = 9.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hui vợ chồng ông **H**, bà **N** nợ bà số tiền hui chết là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng). Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Hà Văn H**, bà **Mai Hồng N** có trách nhiệm trả cho bà số tiền chết là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông **Hà Văn H**, bà **Mai Hồng N** đúng theo quy định pháp luật nhưng ông **H**, bà **N** không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Bà **Trần Thị T** khởi kiện yêu cầu ông **Hà Văn H**, bà **Mai Hồng N** trả tiền hui chết mà bà đã trả cho ông **H**, bà **N**. Xét đây là quan hệ tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp tiền hui*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 15-4-2024 bà **Trần Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt; bà **Mai Hồng N**, ông **Hà Văn H** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà **T** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **H**, bà **N** trả tiền hui chết còn nợ là 27.000.000 đồng. Xét thấy việc ông **H**, bà **N** có tham gia chơi hui của bà **T** là có thật thể hiện tại các danh sách hui viên ngày 30/3/2022 âm lịch (dây số 1, dây số 2), trong danh sách hui ngày 30/3/2022 âm lịch (dây số 1 và dây số 2) đều có ghi tên “Niều+Hải”. Tòa án đã tổng đạt và thông báo cho ông **H**, bà **N** biết việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền hui là 27.000.000 đồng nhưng ông **H**, bà **N** không có văn bản thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn bà **Trần Thị T** nên tự gánh chịu thiệt hại.

Mặt khác tại Tờ tường thuật của các hui viên trong dây hui mở ngày 30/3/2022 âm lịch có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã **N** gồm: ông **Lê Hữu T1** trong danh sách hui viên ghi tên “Tĩnh”, bà **Lý Thị M** trong danh sách hui viên ghi tên “Măng”, bà **Lê Hồng D** trong danh sách hui viên ghi tên “D+Dinh”, bà **Lê Thị M1** trong danh sách hui viên ghi tên “Mơ” là các hui viên cùng tham gia chơi hui của bà **T** trong danh sách hui ngày 30/3/2022 âm lịch cùng với bà **Mai Hồng N**, ông **Hà Văn H**. Ông **T1**, bà **M**, bà **D** và bà **M1** đều xác định bà **N** có tham gia chơi hui của bà **T** và kêu hui hốt ở kỳ khai hui ngày 30/4/2022 đối với chung thứ nhất và ngày 30/5/2022 đối với chung thứ hai của dây hui số 01 và kỳ khai hui ngày 30/5/2022 của dây hui số 02. Như vậy ông **H**, bà **N** có tham gia chơi hui và hốt hui

của bà **T** là sự thật có xảy ra. Ông **H**, bà **N** đã kêu hốt hui nên phải có trách nhiệm đóng hui chết lại cho chủ hui nhưng ông **H**, bà **N** không đóng do đó bà **T** khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông **H**, bà **N** trả tiền hui chết mà bà **T** đã trả là có cơ sở nên được chấp nhận. Mặt khác đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của bà **N** với ông **H**. Do đó cần buộc ông **H**, bà **N** cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà **T** số tiền hui là 27.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông **Hải Văn H1**, bà **Mai Hồng N** cùng liên đới phải chịu 5% trên số tiền phải trả cho bà **T** được Toà án chấp nhận là 1.350.000 đồng.

Bà **Trần Thị T** không phải chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị T** về việc yêu cầu ông **Hà Văn H**, bà **Mai Hồng N** trả tiền hui.

Buộc ông **Hà Văn H**, bà **Mai Hồng N** cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà **Trần Thị T** số tiền hui là 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông **Hà Văn H**, bà **Mai Hồng N** cùng liên đới phải chịu 1.350.000 (Một triệu ba trăm năm chục nghìn) đồng, chưa nộp.

Bà **Trần Thị T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Trần Thị T** đã nộp tạm ứng án phí 675.000 (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006172 ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà **Trần Thị T**, ông **Hà Văn H** và bà **Mai Hồng N** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lụa